

Trường Trung Học William Sheppard

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường

Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Trường Trung Học William Sheppard
Đường	480 Rough and Ready Rd
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose CA, 95133
Số điện thoại	(408) 928-8800
Hiệu trưởng	Jennifer Doherty
Địa chỉ Email	jennifer.doherty@arusd.org
Trang web của Trường	
Mã Học khu của Quận (CDS)	43-69369-6046338

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	Khu Học Chánh Tiểu Học Alum Rock Union
Số điện thoại	(408) 928-6800
Giám đốc	Hilaria Bauer, Ph.D.
Địa chỉ Email	hilaria.bauer@arusd.org
Website Học khu	www.arusd.org

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Sheppard Middle School là trường trung học chuẩn bị cho đại học và hướng nghiệp. Bên cạnh việc duy trì truyền thống lâu đời của mình, Sheppard đã thay đổi để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và tự hào mang đến phương pháp tập trung nâng cao thành tích của học sinh thông qua thực hành áp dụng nhất quán các công cụ và chiến lược học tập trên cơ sở nghiên cứu và đã được chứng minh. Học sinh học tập thông qua các đơn vị chủ đề và theo dự án. Tất cả học sinh tham gia vào các chuyến đi thực tế theo nội dung và tổ chức nhiều sự kiện cộng đồng vào buổi tối.

TẦM NHÌN: Sheppard Middle School và cộng đồng hỗ trợ của trường sẽ áp dụng công nghệ tiên tiến và học tập theo dự án để chuẩn bị và truyền cảm hứng cho học sinh trở thành người học tích cực và gắn kết khi các em theo đuổi thành công trong học tập, công dân toàn cầu, giáo dục đại học và nghề nghiệp mà các em lựa chọn.

SỨ MỆNH: 1. Thu hút học sinh thế kỷ 21, tạo ra trải nghiệm học tập sáng tạo và công việc có ý nghĩa, thông qua các phương pháp đa dạng; 2. Thu hút sự hợp tác của toàn thể cộng đồng nhằm đảm bảo thành tích học tập của tất cả học sinh. 3. Trao quyền, đánh giá cao và tôn trọng tất cả các bên liên quan trong một môi trường học tập chuyên nghiệp, nơi xây dựng niềm tự hào, năng lực bản thân và quyết tâm.

Hãy ghé thăm trường chúng tôi, truy cập trang web hoặc gọi cho chúng tôi theo số (408) 928-8800 để tìm hiểu thêm về ngôi trường cũng như tinh thần và lòng tự hào của những chú ngựa Trojan ở Sheppard.

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023	
Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 6	169
Lớp 7	153
Lớp 8	181
Tổng Ghi danh	503

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23	
Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	43.1
Nam	56.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	22.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	1.8
Người Phi Luật Tân	13.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	58.8
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.8
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	1.0
Người Da trắng	1.6
Sinh viên nói tiếng anh	23.5
Những đứa con nuôi	0.0
Vô gia cư	0.4
Nhập cư	1.4
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	78.1
Học sinh khuyết tật	11.9

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	15.80	60.88	373.60	75.81	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.60	2.31	10.50	2.14	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	4.10	15.83	41.00	8.33	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	2.50	9.95	35.70	7.26	12115.80	4.41
Không xác định	2.80	10.95	31.80	6.46	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	26.00	100.00	492.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022						
Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	16.70	68.20	373.70	76.67	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	18.40	3.79	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	4.20	17.35	42.40	8.70	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	25.20	5.19	11953.10	4.28
Không xác định	3.50	14.41	27.50	5.66	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	24.50	100.00	487.50	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)		
Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	4.10	4.20
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	4.10	4.20

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	2.20	0.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.30	0.00
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	2.50	0.00

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	18.10	19.40
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	2.80	0.00

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Sau đây là các nội dung mới được thông qua gần đây cho Khu Học Chính Tiểu Học Alum Rock Union:

- Điểm Chuẩn Nâng Cao/Tiến Bộ (ELA và ELD) 2016-Trường Tiểu Học/McGraw Hill: Đồng Bộ Hóa Học Tập 2017-Trường Trung Học Cơ Sở
- Toán Pearson enVision 2015-Trường Tiểu Học/ CPM 2015- Trường Trung Học Cơ Sở
- Học tập A-Z: Khoa Học A-Z Trực Tuyến 2019 -Trường Tiểu Học/Tăng Tốc Học Tập:STEMscopes 2019-Trường Trung Học Cơ Sở

Studies Weekly năm 2019- Trường Tiểu Học /Chương Trình Giảng Dạy của TCI năm 2018- Trung Học Cơ Sở

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Tháng 8 năm 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Điểm Chuẩn Nâng Cao/Tiến Bộ (ELA và ELD) 2016-Trường Tiểu Học/McGraw Hill: Đồng Bộ Hóa Học Tập 2017- Trường Trung Học Cơ Sở	Có	0
Toán	Pearson: Toán enVision 2015-Trường Tiểu Học / CPM 2015- Trường Trung Học Cơ Sở	Có	0
Khoa học	Học tập A-Z: Khoa học A-Z trực tuyến 2019-Trường Tiểu Học/Tăng Tốc Học Tập:STEMscopes 2019-Trường Trung Học Cơ Sở	Có	0
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Điểm Chuẩn 2019- Trường Tiểu Học /Chương Trình Học TCI 2018- Trường Trung Học Cơ Sở	Có	0
Giáo dục Sức khỏe	Family Life - Planned Parenthood (Cuộc sống Gia đình - Chuẩn bị Làm cha mẹ)	Có	0

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Khu học chính sẽ thực hiện mọi nỗ lực để đảm bảo tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động hiệu quả. Để hỗ trợ nỗ lực này, khu học chính sẽ sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất do Văn Phòng Xây Dựng Trường Công Lập (Office of Public School Construction) của Tiểu Bang California phát triển. Kết quả của khảo sát này sẽ có tại văn phòng của khu học chính.

Trường Sheppard được xây dựng vào năm 1962. Cơ sở vật chất của trường đang được nâng cấp theo các yêu cầu của Đạo Luật Xây Dựng Trường Công (Field Act) thuộc Bộ Luật Về Công Trình Xây Dựng Cấp Tiểu Bang (State Building Code) với trọng tâm là mức độ an toàn khi xảy ra động đất. Trong trường hợp phát hiện amiăng và chì trong nguyên vật liệu xây dựng, những nguyên vật liệu đó sẽ được loại bỏ theo yêu cầu của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường (Environmental Protection Agency - EPA), Tiểu Bang và Địa Phương. Quỹ bảo trì trả chậm đã được sử dụng để bảo trì và nâng cấp thỏa đáng cho các tòa nhà trong trường. Mọi công tác sửa chữa và dự án bảo trì cần thiết đều được hoàn thành đúng thời hạn.

Cơ sở vật chất của trường được nâng cấp để hỗ trợ và duy trì một khuôn viên an toàn, sạch sẽ và bảo đảm. Nhà trường phân bổ đầy đủ lớp học, văn phòng, thư viện, sân chơi, không gian dành cho đội ngũ nhân viên và nhà vệ sinh để hỗ trợ nhu cầu của các bên liên quan và chương trình giảng dạy. Nhân viên bảo trì của Học Khu Tiểu Học Alum Rock Union, kết hợp với người trông giữ ngày và đêm, đảm bảo các tòa nhà và sân bãi trong trường luôn được an toàn, sạch sẽ và ở tình trạng hoạt động tốt. Lịch trông giữ hàng ngày nghiêm ngặt đảm bảo các lớp học, phòng thí nghiệm, khu bếp, khu căng-tin, văn phòng và sân chơi luôn sạch sẽ để phục vụ cả học sinh và nhân viên trong trường. Các đội bảo trì của khu học chính thường xuyên tiến hành giám sát để đảm bảo bãi cỏ và khu cảnh quan được chăm sóc tốt, các tòa nhà, sân bãi và khu vui chơi trong trường luôn an toàn khi sử dụng.

Mặc dù khuôn viên trường chính của Sheppard được xây dựng vào năm 1962 nhưng các tòa nhà lưu động đã được bổ sung để đáp ứng lượng học sinh ngày càng tăng của trường và nhu cầu về các chương trình đa dạng. Trong năm học 2007-2008, quỹ Measure G tại địa phương và quỹ điều phối tiểu bang đã được sử dụng để nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có. Các dự án lớn trong những năm qua bao gồm sơn, lắp đặt hệ thống sưởi, lắp sàn, kẻ vạch sân, làm mái, nâng cấp phòng để đồ cho nam sinh và nữ sinh cũng như nâng cấp nhà vệ sinh nam và nữ ở đầu phía nam của khuôn viên.

Vào Tháng 6 năm 2012, thông qua hoạt động cộng tác giữa Học Khu và Thành Phố San Jose, Sheppard đã trở thành trường đầu tiên trong Học Khu Tiểu Học Alum Rock Union có đường chạy, sân bóng đá và sân bóng bầu dục phù hợp với mọi điều kiện thời tiết, được trường học và cộng đồng sử dụng tích cực nhằm nâng cao sức khỏe, khuyến khích tập thể dục cũng như tổ chức các sự kiện của trường và cộng đồng. Gần đây nhất, sự kiện thay đổi cuộc đời Project Inspire của Nvidia đã góp phần tăng thêm sức sống và nguồn cảm hứng cho khuôn viên của chúng tôi. Câu trích dẫn và hình ảnh từ những cuốn sách, quốc kỳ và thắng cảnh thế giới chỉ là số ít trong vô vàn cách mà trường chúng tôi lựa chọn để thể hiện tương lai rực sáng đang đón chờ các học sinh của mình!

Nhóm ELAC của chúng tôi đang bận xác định lại cách chúng tôi sử dụng thư viện của mình cho việc xóa mù chữ ở thế kỷ 21.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: Tháng 10 năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			Rm: D5 - AC không hoạt động bình thường, có rò rỉ nước Rm: D3 - Bộ phận AC không hoạt động bình thường Rm: D1 - AC không hoạt động Rm: C1 - AC bị tắt vì có rò rỉ Rm: C3 - AC tắt, ngừng hoạt động Rm: C5 - AC ngừng hoạt động do rò rỉ Rm: F5 - Bộ phận AC bị rò rỉ nước/Cửa AC bị tắt
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			Rm: Nhà vệ sinh cánh E - Gạch bị vỡ ở góc Rm: E3 - Tường bị bong tróc Rm: F6 - Gạch bị thiếu bởi Bộ phận AC Rm: Giai đoạn - 4 gạch trần bị thiếu Rm: Phòng âm nhạc - Cần thay thế gờ chân tường

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến				
Sạch Sẽ: Sự Sạch Sẽ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			Rm: Phòng nghỉ cánh F - Phòng chật ních hộp ở khắp mọi nơi Rm: F8 - Phòng có quá nhiều tài liệu trên sàn
Điện	X			Rm: D1 - Dây điện bị hở/mất ổ cắm Rm: E4 - Một trong các ổ cắm bị cháy
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			Rm: 2 - Đài phun nước cần thêm áp lực Rm: C1 - Vòi nước không hoạt động Rm: E7 - Đài phun nước không hoạt động
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			Rm: D4 - Gạch trần bị thấm nước Rm: D5 - Sàn bị bong tróc Rm: Tủ thư viện - Sơn bị bong dưới bồn rửa/thiếu gờ chân tường phía trên Rm: Phòng giáo viên - Có lỗ sau cánh cửa Rm: E3 - Thiếu gạch lát nền cạnh cửa Rm: Tủ bảo quản - Có lỗ trên tường Rm: Phòng giám sát - Cần cố định tường dưới bồn rửa Rm: Nhà bếp - Sơn tường rơi xuống từ lối vào văn phòng
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể			
Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Độc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	33	Không có thông tin	33	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	16	Không có thông tin	23	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	505	491	97.23	2.77	33.40
Nữ	218	213	97.71	2.29	31.46
Nam	287	278	96.86	3.14	34.89
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	114	114	100.00	0.00	54.39
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	67	67	100.00	0.00	56.72
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	294	282	95.92	4.08	19.86
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	114	106	92.98	7.02	0.94
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	385	374	97.14	2.86	27.54
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	62	60	96.77	3.23	3.33

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	505	497	98.42	1.58	16.10
Nữ	218	215	98.62	1.38	11.16
Nam	287	282	98.26	1.74	19.86
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	114	114	100.00	0.00	42.98
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	67	67	100.00	0.00	20.90
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	294	287	97.62	2.38	4.53
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	114	112	98.25	1.75	2.68
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	385	378	98.18	1.82	12.43
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	62	60	96.77	3.23	3.33

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	22.53	NT	17.41	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	183	182	99.45	0.55	22.53
Nữ	77	77	100	0	16.88
Nam	106	105	99.06	0.94	26.67
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	46	46	100	0	47.83
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	26	26	100	0	23.08
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	99	98	98.99	1.01	9.18
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	40	39	97.5	2.5	0
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	132	132	100	0	14.39
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	21	20	95.24	4.76	0

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:	Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.
-------------------------------------	--

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022					
Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.					
Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 7	93%	93%	93%	92%	93%

C. Tham Gia	Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.
--------------------	---

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023
Trường Trung Học Sheppard rất vui mừng khi được đón nhận sự tham gia nhiệt tình của các bậc phụ huynh và chúng tôi chắc chắn luôn có cơ hội dành cho quý vị! Ngoài các cuộc gặp Cà Phê Cùng Phụ Huynh (Parent Coffees), Hội Đồng Trường Học và ELAC, chúng tôi cũng rất hào hứng khi được tạo nên một Trường Trung Học thú vị nhất và cộng tác nhất cho tất cả mọi người. Từ các nỗ lực dọn dẹp vườn và khuôn viên của cộng đồng đến việc kinh doanh đồ ăn tại các sự kiện cộng đồng vào buổi tối, như đêm xem phim, hội chợ sức khỏe, đêm văn chương và toán học, chúng tôi cùng nhau đoàn kết để mang đến những điều tuyệt vời. Mọi sự tham gia đều được ghi nhận và các mục tiêu của trường học luôn hướng tới tỷ lệ tham gia cao. Hàng năm, chúng tôi đều ghi nhận tất cả các phụ huynh đã tình nguyện tham gia và luôn mong muốn củng cố năng lực lãnh đạo của họ. Hàng tháng, chúng tôi tiếp đón cộng đồng đến với Ngày Hội Mở (Open Door Days) để tham quan trường học khi ghé qua và mỗi tuần, một nhóm phụ huynh sẽ tập trung lại để xúc tiến công việc của chúng tôi. Phụ huynh muốn tham gia vào công việc của chúng tôi tại Trường Trung học Cơ sở Sheppard, xin hãy liên hệ với văn phòng chính của chúng tôi theo số 408-928-8800 hoặc Hiệu trưởng theo số 408-928-8806.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)									
Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học								8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp								84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022			
Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp .			
Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bắt kỳ học sinh	0	0	0.0
Nữ	0	0	0.0
Nam	0	0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	0	0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0.0
Người Phi Luật Tân	0	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0	0	0.0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0	0.0
Người Da trắng	0	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0	0	0.0
Những đứa con nuôi	0	0	0.0
Vô gia cư	0	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0	0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	0	0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bắt kỳ học sinh	554	537	27	5.0
Nữ	240	231	11	4.8
Nam	314	306	16	5.2
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	0	0.0
Người gốc Châu Á	116	115	0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	10	9	1	11.1
Người Phi Luật Tân	70	68	3	4.4
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	334	323	22	6.8
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	4	4	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	9	8	1	12.5
Người Da trắng	10	9	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	135	131	5	3.8
Những đứa con nuôi	3	3	1	33.3
Vô gia cư	4	4	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	429	415	24	5.8
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	7	7	0	0.0
Học sinh khuyết tật	71	68	8	11.8

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	1.29	1.60	2.45
Đuổi học	0.00	0.00	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	8.84	0.02	2.44	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	8.84	0.00
Nữ	10.83	0.00
Nam	7.32	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	1.72	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	13.17	0.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	13.33	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	9.32	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	14.08	0.00

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Trường Trung Học Sheppard có một kế hoạch an toàn trường học vô cùng chi tiết và toàn diện, trong đó nêu rõ các thủ tục, hệ thống và quy trình cần thực hiện trong mọi trường hợp khẩn cấp. Kế hoạch cũng bao gồm các mục tiêu về an toàn hàng năm do học sinh, đội ngũ nhân viên và phụ huynh đề ra. Kế Hoạch An Toàn Trường Học và các quy trình luyện tập được đánh giá trong năm với toàn bộ đội ngũ nhân viên. Các cảnh báo an toàn được chia sẻ với tất cả nhân viên khi cần thiết trong suốt năm học.

Ủy Ban An Toàn Học Đường Sheppard sẽ cập nhật kế hoạch trước khi trình lên Hội Đồng Ủy Thác của Khu Học Chánh Tiểu Học Alum Rock Union để xin phê chuẩn hàng năm. Kế hoạch sửa đổi đã được phê chuẩn gần nhất vào Tháng 2 năm 2021. Kế Hoạch An Toàn Trường Học bao gồm một chính sách hành vi toàn diện, có thể thực thi và liên tục, một bộ quy tắc và quy định, chính sách về trang phục, bộ thủ tục về luyện tập an toàn/cứu hộ, chính sách đi học muộn, chính sách chuyên cần, chính sách giới thiệu, chính sách không phân biệt đối xử với quyền và trách nhiệm của học sinh, chính sách an ninh trong khuôn viên, chính sách quấy rối, chính sách quản lý xung đột, chính sách an toàn trên Internet và chính sách can thiệp.

Kế Hoạch An Toàn được sửa đổi và phê chuẩn hàng năm. Ngoài ra, trường học cũng thực hiện giám sát trước và sau giờ học cũng như quản chế trong giờ ăn nửa buổi và giờ ăn trưa. Một nhân viên cảnh sát nhà trường sẽ có mặt tại khuôn viên từ Thứ Hai đến Thứ Sáu. Mọi khách đến thăm phải báo cáo với văn phòng chính khi đến nơi để đảm bảo an toàn cho khuôn viên của chúng tôi.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

2019-20 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bó Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo				
1				
2				
3				
4				
5				
6	30	16	25	14

2020-21 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo				
1				
2				
3				
4				
5				
6	25	16	27	13

2021-22 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo				
1				
2				
3				
4				
5				
6	23	13	30	1

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	31	7	22	8
Toán	24	5	10	1
Khoa học	30	2	8	4
Khoa học Xã hội	28	2	8	4

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	31	6	20	13
Toán	26	4	10	2
Khoa học	29	2	3	9
Khoa học Xã hội	31	1	5	7

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	20	9	11	
Toán	24	3	11	
Khoa học	26	2	11	
Khoa học Xã hội	27	1	11	

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	335.33

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	1.5
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$17,993.84	\$11,492.83	\$6,501.01	\$93,141.87
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,216.32	\$91,067
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-10.4	2.3
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$87,271
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-1.4	6.5

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Trường Trung Học Sheppard cung cấp các dịch vụ được tài trợ sau để hỗ trợ thành công cho tất cả học sinh. Các trường hợp ưu tiên bao gồm chuyển cấp dễ dàng từ tiểu học sang trung học, thành công trong học tập giúp tạo vị thế cho tất cả học sinh sẵn sàng vào phổ thông, phát triển trẻ em toàn diện bao gồm cả hỗ trợ sức khỏe tâm thần và trải nghiệm cuộc sống thực tế được liên kết trực tiếp với hoạt động học tập và ước mơ của học sinh để đáp ứng các tiêu chuẩn về học tập:

- Envisioneers - Học Tập Mở Rộng (Extended Learning) là một chương trình giảng dạy chủ yếu hỗ trợ học sinh lớp sáu.
- Các lớp học can thiệp được lên lịch cho học sinh có nguy cơ và các trung tâm bài tập về nhà sẽ hỗ trợ học sinh đạt được thành công

Việc học tập của sinh viên được hỗ trợ thông qua sự phát triển chuyên môn, phân tích dữ liệu của các đánh giá, tích hợp công nghệ của nhân viên chúng tôi và trải nghiệm trường học ngoài khuôn viên trường bao gồm các chuyến đi thực tế.

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$59,197	\$52,641
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$92,160	\$83,981
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$109,665	\$107,522
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$121,783	\$136,247
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$134,266	\$142,248
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		\$139,199
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$218,543	\$242,166
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	36%	34%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	6%	5%

Phát triển Chuyên môn

Mục tiêu Phát Triển Nhân Viên do Nhóm Lãnh Đạo xây dựng cùng với sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả nhân viên. Các mục tiêu này bắt đầu từ việc phân tích dữ liệu thành tích của học sinh và một kế hoạch toàn diện để tăng thành tích của học sinh. Cả chuyên gia bên ngoài và nguồn lực nội bộ đều được sử dụng để đào tạo giáo viên ở các lĩnh vực mục tiêu. Các lĩnh vực mục tiêu gồm có: Thực hiện chương trình học tập có nhiều thử thách của Thế Kỷ 21 cho cả Học Viện AVID và Atlas, Chiến Lược Giảng Dạy Hiệu Quả cho Học Viên Anh Ngữ, Sự Tham Gia của Phụ Huynh, và Thành Công của Học Sinh cùng sự tiến bộ liên tục. Nhóm Lãnh Đạo Giảng Dạy của chúng tôi có trách nhiệm xúc tiến công việc trên mọi lĩnh vực. Chúng tôi thực hiện việc này thông qua Chu Kỳ Đặt Câu Hỏi Hướng Tới Kết Quả của mình. Thông qua việc đặt mục tiêu và phân tích dữ liệu, chúng tôi sẽ định kỳ cập nhật Lý Thuyết Hành Động của mình cũng như vạch ra tiến trình và công việc cần thực hiện. Tài liệu này có tại văn phòng tiếp đón của chúng tôi.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	2	2	2